|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ Y TẾ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: 1710/QĐ-BYT | *Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2023* |

**QUYẾT ĐỊNH**

BAN HÀNH KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ Y TẾ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 157-NQ/BCSĐ NGÀY 03/02/2023 CỦA BAN CÁN SỰ ĐẢNG BỘ Y TẾ VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ Y TẾ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 157-NQ/BCSĐ ngày 03/02/2023 của Ban cán sự đảng Bộ Y tế về Chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Y tế thực hiện Nghị quyết số 157-NQ/BCSĐ ngày 03/02/2023 của Ban cán sự đảng Bộ Y tế về Chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**Điều 2.** Các đồng chí Lãnh đạo Bộ Y tế tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế, các đơn vị trong ngành y tế tổ chức thực hiện, triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số y tế.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế, các đơn vị trong ngành y tế bám sát mục tiêu, yêu cầu, nội dung trong Nghị quyết và các nhiệm vụ trong Kế hoạch hành động để phối hợp với cấp ủy Đảng cùng cấp có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm thiết thực, hiệu quả và thực hiện công tác báo cáo chuyển đổi số định kỳ hàng quý, 6 tháng, một năm hoặc đột xuất theo đúng quy định, đồng thời gửi báo cáo về Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Y tế.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Các đồng chí Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế, các đơn vị trong ngành y tế và tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 4; - PTTg CP Trần Hồng Hà (để b/c); - Bộ Thông tin và Truyền thông; - Bộ trưởng Bộ Y tế (để b/c); - Các Thứ trưởng Bộ Y tế (để p/h chỉ đạo); - Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế; - Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế; - Lưu: VT, CNTT (02). | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG     Trần Văn Thuấn** |

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ Y TẾ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 157-NQ/BCSĐ NGÀY 03/02/2023 CỦA BAN CÁN SỰ ĐẢNG BỘ Y TẾ VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ Y TẾ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 1710/QĐ-BYT ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nhiệm vụ** | | **Đơn vị chủ trì** | | **Đơn vị phối hợp** | | **Thời gian hoàn thành** | | | | **Chỉ tiêu hoàn thành** |
| **I** | **QUÁN TRIỆT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ** | | | | | | | | | | |
| 1 | Quán triệt triển khai nghị quyết | |  | |  | |  | | | |  |
| 1.1 | Tổ chức hội nghị quán triệt và hướng dẫn triển khai Nghị quyết của Ban cán sự đảng Bộ Y tế về chuyển đổi số y tế | | Văn phòng Ban cán sự đảng Bộ Y tế | | - Văn phòng Bộ  - Cục Công nghệ thông tin | | Quý II/2023 | | | | Các đơn vị nắm và hiểu rõ các nội dung, mục tiêu của Nghị quyết |
| 1.2 | Tổ chức sinh hoạt chuyên để quán triệt thực hiện Nghị quyết | | Các Vụ, Cục, ... thuộc Bộ và các đơn vị trong ngành y tế | |  | | Quý I - II/2023 | | | | 100% các đơn vị triển khai |
| 2 | Sửa đổi Chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 | | Cục Công nghệ thông tin | | - Các Vụ, Cục, ... thuộc Bộ và các đơn vị trong ngành y tế | | Quý II/2023 | | | | Cập nhật, bổ sung đầy đủ các nội dung chuyển đổi số y tế theo các chỉ đạo của Chính phủ, của Bộ Y tế |
| 3 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế | | | | | | | | | | |
| 3.1 | Sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về ứng dụng CNTT | | | Cục Công nghệ thông tin | - Vụ Pháp chế | | | Quý II/2023 | | | 100% các văn bản CNTT thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế được rà soát, sửa đổi, bổ sung |
| 3.2 | Bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế | | | Cục Công nghệ thông tin | - Vụ Pháp chế | | | Kế hoạch hằng năm | | | Đáp ứng yêu cầu về hành lang pháp lý cho chuyển đổi số y tế |
| 3.3 | Bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về cơ cấu, tiêu chuẩn nhân lực CNTT tại các đơn vị trong ngành y tế | | | Cục Công nghệ thông tin | - Vụ Pháp chế  - Vụ Tổ chức cán bộ | | | Kế hoạch hằng năm | | | Đảm bảo đầy đủ nhân lực cả về số lượng và chất lượng chuyên môn đáp ứng chuyển đổi số y tế |
| 4 | Nghị định quy định quản lý dữ liệu y tế | | | Cục Công nghệ thông tin | - Các Vụ, Cục, ... thuộc Bộ và các đơn vị trong ngành y tế | | | Quý IV/2023 | | | Dự thảo Nghị định trình Chính phủ theo đúng tiến độ tại Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 |
| 5 | Xây dựng bộ Chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) ngành y tế | | | Cục Công nghệ thông tin | Các Vụ, Cục, ... thuộc Bộ và các đơn vị trong ngành y tế | | | Quý III/2023 | | | Đánh giá được toàn diện về chuyển đổi số các đơn vị trong ngành y tế |
| 6 | Xây dựng tài liệu hướng dẫn chuyển đổi số y tế | | | Cục Công nghệ thông tin |  | | | Quý III/2023 | | | Đáp ứng đầy đủ các nội dung hướng dẫn về chuyển đổi số y tế |
| 7 | Truyền thông chính sách về chuyển đổi số y tế | | | Văn phòng Bộ | Cục Công nghệ thông tin | | | Hằng tháng | | | Đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời về chuyển đổi số y tế trên các báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội |
| **II** | **PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ, NỀN TẢNG SỐ VÀ DỮ LIỆU SỐ** | | | | | | | | | | |
| 1 | Tái cấu trúc và xây dựng hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số ngành y tế | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Rà soát, xây dựng và cập nhật kiến trúc Chính phủ điện tử ngành y tế | | | Cục Công nghệ thông tin | Các đơn vị có liên quan | | | Quý III/2023 | | | Kiến trúc tổng thể phù hợp với định hướng chuyển đổi số y tế đến năm 2030 |
| 1.2 | Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật hạ tầng số đáp ứng triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số các đơn vị ngành y tế | | | Cục Công nghệ thông tin | Các đơn vị có liên quan | | | Quý II/2023 | | |  |
| 1.3 | Xây dựng hạ tầng kết nối, truyền dẫn dữ liệu dùng riêng phục vụ chuyển đổi số ngành y tế | | | Cục Công nghệ thông tin | Các đơn vị có liên quan | | | Quý IV/2023 | | | Đảm bảo tính bảo mật, riêng tư và an toàn thông tin, an ninh mạng |
| 2 | Xây dựng và tạo lập kho dữ liệu số ngành y tế và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (dữ liệu khám chữa bệnh, dữ liệu nguồn nhân lực, thiết bị y tế, dược,...) | | | Các Vụ, Cục, ... thuộc Bộ và các đơn vị trong ngành y tế | Cục Công nghệ thông tin | | | Quý IV/2024 | | | Đáp ứng yêu cầu hình thành kho dữ liệu tổng thể ngành y tế tiến tới hình thành kho dữ liệu quốc gia về y tế |
| 3 | Xây dựng Trung tâm dữ liệu ngành y tế: Triển khai xây dựng Trung tâm dữ liệu ngành y tế đáp ứng quản lý, lưu trữ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu lớn y tế phục vụ công tác quản lý điều hành, chuyển đổi số của ngành y tế và kết nối, chia sẻ dữ liệu y tế với CSDL quốc gia về dân cư | | | Cục Công nghệ thông tin | - Văn phòng Bộ  - Vụ Kế hoạch tài chính  - Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế  - Các đơn vị có liên quan | | | Quý IV/2024 | | | Đảm bảo lưu trữ đầy đủ, an toàn các hệ thống thông tin, hệ thống CSDL và dữ liệu lớn ngành y tế; đáp ứng yêu cầu dữ liệu đầy đủ, sạch, sống, khai thác tối đa, hiệu quả phục vụ công tác quản lý điều hành của ngành Y tế kết nối, chia sẻ với CSDL quốc gia về dân cư. |
| 4 | Xây dựng và triển khai các nền tảng số y tế | | |  |  | | |  | | | 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.  100% các dịch bệnh truyền nhiễm và các ca bệnh truyền nhiễm được quản lý trên nền tảng số y tế. |
| 4.1 | Các nền tảng số y tế:  - Nền tảng tư vấn khám chữa bệnh từ xa;  - Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử;  - Nền tảng tiêm chủng;  - Nền tảng Trạm Y tế. | | | Cục Công nghệ thông tin | Các đơn vị trong ngành y tế và các đơn vị có liên quan | | | Quý IV/2023 | | |
| 4.2 | Các nền tảng số y tế khác | | | Cục Công nghệ thông tin | Các đơn vị trong ngành y tế và các đơn vị có liên quan | | | Quý IV/2024 | | |
| 5 | Triển khai nâng cấp và hoàn thiện ứng dụng quản lý thông tin sức khỏe cá nhân tích hợp CSDL quốc gia về dân cư | | | Cục Công nghệ thông tin | - Cục Quản lý Khám, chữa bệnh  - Vụ Bảo hiểm y tế  - Các đơn vị có liên quan | | | Quý IV/2023 | | | Mỗi người dân đều có hồ sơ số về sức khoẻ cá nhân, trong đó 90% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử |
| **III** | **AN TOÀN THÔNG TIN, AN NINH MẠNG** | | | | | | | | | | |
| 1 | Triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn về an toàn thông tin, an ninh mạng cho các đơn vị trong ngành y tế | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về ATTT cho cán bộ kỹ thuật tại các bệnh viện và các đơn vị y tế | | | Cục Công nghệ thông tin | | Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông | | Định kỳ hằng năm | | | Mỗi bệnh viện có ít nhất 01 cán bộ CNTT được đào tạo chuyên sâu và có chứng chỉ về ATTT |
| 1.2 | Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về ATTT cho cán bộ trong ngành y tế | | | Cục Công nghệ thông tin | | Các đơn vị trong ngành y tế | | Định kỳ hằng năm | | | Tất cả cán bộ y tế phải được tập huấn và nắm rõ về chuyển đổi số y tế |
| 1.3 | Tổ chức các đợt diễn tập thực chiến về an toàn thông tin, an ninh mạng cho các đơn vị trong ngành y tế | | | Cục Công nghệ thông tin | | Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông | | Định kỳ hằng năm | | | Nội dung diễn tập đảm bảo sát thực tiễn, phù hợp với đặc thù ngành y tế, đặc biệt là các bệnh viện |
| 2 | Thúc đẩy triển khai hoạt động giám sát An toàn thông tin mạng (SOC) | | | Cục Công nghệ thông tin | |  | |  | | | 100% hệ thống thông tin y tế được đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng theo hồ sơ cấp độ an toàn thông tin được phê duyệt và đánh giá đạt yêu cầu an toàn thông tin, an ninh mạng trước khi đưa vào vận hành sử dụng, khai thác |
| 2.1 | Hỗ trợ các đơn vị trong ngành triển khai thuê dịch vụ Trung tâm giám sát An toàn thông tin (SOC) | | | Cục Công nghệ thông tin | | Các đơn vị trong ngành y tế | | Kế hoạch hằng năm | | |
| 2.2 | Triển khai Trung tâm giám sát An toàn thông tin mạng (SOC) đối với các hệ thống thông tin Bộ Y tế là cơ quan chủ quản | | | Cục Công nghệ thông tin | | - Các Vụ, Cục, ... thuộc Bộ Y tế.  - Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông | | Quý IV/2023 | | |
| **IV** | **PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ, KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ** | | | | | | | | | | |
| 1 | Hoàn thiện triển khai các dịch vụ công cấp độ 4 của Bộ Y tế trên các phiên bản di động có tích hợp xác thực ký số Smart CA và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. | | | Các Vụ, Cục,... thuộc Bộ Y tế | Cục Công nghệ thông tin | | Quý IV/2024 | | | 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện xây dựng thành dịch vụ công trực tuyến toàn trình và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau | |
| 2 | Triển khai hoàn thiện các ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành, cải cách hành chính, số hóa hồ sơ giấy tờ và áp dụng xác thực điện tử, giao dịch điện tử đáp ứng yêu cầu tiến tới không sử dụng hồ sơ giấy trong các hoạt động của ngành y tế | | | Các vụ, Cục,... thuộc Bộ Y tế | Cục Công nghệ thông tin | | Quý IV/2025 | | | 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia;  100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định. | |
| 3 | Xây dựng hệ thống thông tin tổng thể phục vụ chỉ đạo điều hành, ra quyết định của Bộ Y tế trên môi trường số và kết nối thông tin chỉ đạo điều hành tới địa phương | | | Văn phòng Bộ Y tế | Cục Công nghệ thông tin | | Quý IV/2023 | | | 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của các đơn vị y tế được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất | |
| 4 | Xây dựng hệ thống thông tin giám sát, kiểm tra, thanh tra trong ngành y tế | | | Thanh tra Bộ | - Cục Công nghệ thông tin  - Các vụ, Cục,... thuộc Bộ và các đơn vị có liên quan | | Quý IV/2024 | | | Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý | |
| 5 | Xây dựng hệ thống thi tuyển, thi nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương | | | Vụ Tổ chức cán bộ | - Văn phòng Bộ  - Cục Công nghệ thông tin | | Quý IV/2024 | | | Tối thiểu 70% đơn vị tổ chức thi tuyển, thi nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện thi trên máy tính và trực tuyến | |
| 6 | Thúc đẩy và phát triển các đơn vị cung cấp dịch vụ y tế trên nền tảng số và môi trường mạng | | |  |  | |  | | |  | |
| 6.1 | Tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề chuyển đổi số theo từng lĩnh vực chuyên sâu ngành y tế để các đơn vị cung cấp dịch vụ y tế trên nền tảng số hiểu và nắm rõ nhu cầu, quy trình nghiệp vụ, mô hình hệ thống, ... từ đó đưa ra các giải pháp chuyển đổi số phù hợp và hiệu quả đối với từng lĩnh vực chuyên ngành trong y tế | | | Cục Công nghệ thông tin | Các đơn vị trong ngành y tế | | Kế hoạch hằng năm | | | Ứng dụng thành công các công nghệ số: trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), kết nối vạn vật y tế (IoMT), chuỗi khối (Blockchain), ... trong các hoạt động y tế | |
| 6.2 | Tạo điều kiện cho các đơn vị cung cấp dịch vụ y tế trên môi trường số thử nghiệm triển khai thí điểm mô hình sandbox các công nghệ số mới, các giải pháp chuyển đổi số y tế mới, từng bước chuẩn hóa và xây dựng hành lang pháp lý để nhân rộng triển khai trên toàn quốc | | | Cục Công nghệ thông tin | - Các Vụ, Cục, ... thuộc Bộ và các đơn vị liên quan | | Kế hoạch hàng năm | | |
| 7 | Thúc đẩy triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; Mỗi bệnh viện, trung tâm y tế công đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử; Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh. | | | Cục Quản lý Khám, chữa bệnh | - Cục Công nghệ thông tin  - Các đơn vị liên quan | | Kế hoạch hàng năm | | | 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hạng I trở lên triển khai khám bệnh không giấy, trong đó hồ sơ bệnh án điện tử phải đáp ứng không sử dụng bệnh án giấy | |
| 8 | Ban hành quy định về quản lý mã định danh các trang thiết bị, vật tư y tế và dược phẩm; Xây dựng cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc liên thông với hệ thống quốc tế | | | Cục Công nghệ thông tin | - Cục Quản lý Dược  - Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế  - Các đơn vị liên quan khác | | Quý IV/2024 | | | 100% các trang thiết bị, vật tư y tế, thuốc được cấp chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam được quản lý theo mã định danh duy nhất thống nhất với định danh hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc tế | |
| **V** | **PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ** | | | | | | | | | | |
| 1. | Hình thành mạng lưới nhân lực thực hiện chuyển đổi số y tế thống nhất từ trung ương đến địa phương | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Tổ chức đào tạo các chuyên gia về chuyển đổi số y tế các cấp, các lĩnh vực trong y tế từ trung ương đến địa phương | | Cục Công nghệ thông tin | | Các đơn vị có liên quan | | Quý IV/2025 | | Tối thiểu 50 chuyên gia chuyển đổi số cấp trung ương và mỗi tỉnh/thành phố có tối thiểu 5 chuyên gia cấp tỉnh 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản;  50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số. | | |
| 1.2 | Định kỳ hàng năm, các cán bộ chuyên trách CNTT các đơn vị y tế phải được đào tạo, tập huấn và đánh giá năng lực theo chuẩn kỹ năng số quốc gia | | Cục Công nghệ thông tin | | Các đơn vị có liên quan | | Kế hoạch hằng năm | |
| 1.3 | Tổ chức hình thành Câu lạc bộ chuyển đổi số y tế kết nối thành viên các đơn vị trong ngành y tế | | Cục Công nghệ thông tin | | Các đơn vị trong ngành y tế | | Quý II/2023 | |
| 1.4 | Hoàn thiện Mạng kết nối y tế trở thành diễn đàn trực tuyến kết nối, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm chuyển đổi số y tế | | Cục Công nghệ thông tin | | Các đơn vị trong ngành y tế | | Quý IV/2023 | |
| 2 | Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài thực hiện chuyển đổi số y tế | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế, xúc tiến thương mại về chuyển đổi số y tế và xây dựng chính sách thu hút các nhà đầu tư quốc tế tham gia cung cấp các dịch vụ chuyển đổi số y tế và các hoạt động nghiên cứu hợp tác, chuyển giao công nghệ số trong y tế | Cục Công nghệ thông tin | | | - Vụ Hợp tác quốc tế  - Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo  - Vụ Kế hoạch - Tài chính  - Các đơn vị trong ngành y tế | | Kế hoạch hằng năm | | | | Đảm bảo hằng năm có ít nhất một hội thảo, hội nghị quốc tế về chuyển đổi số y tế được tổ chức |
| 2.2 | Nghiên cứu hợp tác với các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới (Microsoft, Amazon, Google. ...) trong các hoạt động chuyển đổi số y tế. | Cục Công nghệ thông tin | | |  | | Kế hoạch hằng năm | | | | Đảm bảo các hoạt động hợp tác đem lại hiệu quả cao và đúng quy định của pháp luật |
| 3 | Tổ chức học tập kinh nghiệm, mô hình công nghệ triển khai chuyển đổi số y tế tại một số nước trên thế giới. | Cục Công nghệ thông tin | | | Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế | | Kế hoạch hằng năm | | | | Đảm bảo học tập các mô triển khai chuyển đổi số y tế phù hợp với đặc điểm, đặc thù và các yếu tố kinh tế, địa chính trị phù hợp với Việt Nam |
| 4 | Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp và các đơn vị nghiên cứu khoa học trong nước nghiên cứu, xây dựng, triển khai các ứng dụng chuyển đổi số y tế. | Cục Công nghệ thông tin | | | Các đơn vị trong ngành y tế | | Kế hoạch hằng năm | | | | Hình thành được mạng lưới kết nối các tổ chức doanh nghiệp, các đơn vị nghiên cứu trong lĩnh vực chuyển đổi số y tế |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |